

TÓM TẮT TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG, THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN THÁNG VIII NĂM 1996

Ở Bắc Bộ và Thanh Hóa liên tiếp chịu ảnh hưởng của ATNĐ (áp thấp nhiệt đới) và bão số 4. Gió lớn, mưa rất to, lũ rất cao đã gây thiệt hại to lớn về người , của cải , kho tàng và mùa màng, đặc biệt ở các tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Hà, Lai Châu.

I- TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG

1. Hiện tượng thời tiết đặc biệt

a) Bão và ATNĐ

- *Bão số 3 (LISA 9611):* Ngày 5, ATNĐ đã hình thành ở vùng biển phía đông quần đảo Hoàng Sa, trên Biển Đông. Hồi 13h, vị trí trung tâm ATNĐ ở khoảng 18,0 độ vĩ bắc -113,3 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm ATNĐ mạnh cấp 6, cấp 7. Ngày 6, ATNĐ đã mạnh lên thành bão với sức gió mạnh nhất vùng gần trung tâm bão cấp 8.

Bão di chuyển chủ yếu theo hướng bắc và đông bắc. Tối ngày 6, bão suy yếu và đi vào đất liền Trung Quốc.

- *ATNĐ:* Ngày 11, một vùng áp thấp được hình thành ở phía đông Bắc Bộ. Gần sáng ngày 13, vùng áp thấp này từ trên đất liền dịch chuyển xuống ven biển đông bằng Bắc Bộ, sau đó mạnh dần lên thành ATNĐ. Hồi 7h sáng ngày 13, vị trí trung tâm ATNĐ ở 20,5 độ vĩ bắc - 107,3 độ kinh đông; sức gió mạnh nhất ở vùng gần trung tâm ATNĐ mạnh cấp 6, cấp 7, giạt trên cấp 7. ATNĐ di chuyển rất chậm về phía tây rồi tây nam. Ngày 14, ATNĐ ảnh hưởng trực tiếp đến các tỉnh Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình và Bắc Thanh Hóa. Sầu khi vào đất liền, ATNĐ suy yếu dần thành một vùng áp thấp với sức gió mạnh cấp 5, giạt cấp 6 và tồn tại ở Bắc Bộ đến ngày 15 (hình 1).

Sự hình thành ATNĐ này là một trường hợp đặc biệt ít xảy ra.

Do ảnh hưởng của ATNĐ, từ ngày 13 đến 15, ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ đã có một đợt mưa to; vùng đồng bằng Bắc Bộ, Quảng Ninh, Thanh Hóa và Nghệ An đã có mưa to, có nơi mưa rất to.

- *Bão số 4 (NIKI 9613):* Đêm ngày 19, bão vượt qua Phi-lip-pin vào Biển Đông. Hồi 17h ngày 20, bão có vị trí 17,7 độ vĩ bắc - 120,0 độ kinh đông, mạnh cấp 10. Bão di chuyển theo hướng tây tây nam và tây rồi mạnh dần lên với sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão cấp 12, giạt trên cấp 12. Sáng sớm ngày 23, tâm bão đi vào giữa Thanh Hóa-Ninh Bình. Sau khi vào bờ, bão di chuyển nhanh về phía tây , đi sâu vào đất liền thuộc lãnh thổ Lào rồi suy yếu dần (hình 1).

Do ảnh hưởng của bão, ở phía đông Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ có mưa phổ biến từ 50 đến 100mm; một số nơi 100 đến 150mm trong hai ngày 22 và 23. Gió mạnh của bão trải trên một vùng rộng lớn thuộc nhiều tỉnh ở đồng bằng Bắc Bộ và Thanh Hóa.

b) Nắng nóng

Ở khu vực từ Nghệ An đến Bình Định có một số ngày nắng nóng . Nhiệt độ cao nhất ở khu vực này phổ biến từ 36,5 đến 38,7°C.

2. Tình hình nhiệt độ

Hầu hết các nơi trên phạm vi cả nước có nền nhiệt độ xấp xỉ TBNN (trung bình nhiều năm).

Nhiệt độ thấp nhất : $12,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra ngày 20 tại Đà Lạt (Lâm Đồng).

Nhiệt độ cao nhất : $38,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra ngày 10 tại Con Cuông (Nghệ An).

3. Tình hình mưa

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Thanh Hóa có lượng mưa tháng cao hơn TBNN từ 100 đến 333mm, còn các nơi khác thấp hơn. Đặc biệt ở các tỉnh thuộc phía tây Bắc Bộ và vùng núi phía bắc đã có đợt mưa rất to kéo dài từ ngày 16 đến 20, gây ra lũ quét nghiêm trọng ở Lai Châu và lũ rất lớn trên các sông ở Bắc Bộ.

Nơi có lượng mưa ngày lớn nhất là Chi Nè (Hòa Bình) : 250mm/ngày 15.

Nơi có lượng mưa tháng lớn nhất là Mai Châu (Hòa Bình): 864mm (+520mm).

Nơi có lượng mưa tháng thấp nhất là Quảng Ngãi : 26mm (-96mm).

4. Tình hình nắng

Hầu hết các nơi thuộc Bắc Bộ và Trung Bộ có số giờ nắng thấp hơn TBNN; còn Nam Bộ cao hơn.

Nơi có số giờ nắng thấp nhất là Chi Nè (Hòa Bình) : 95 giờ (-62giờ).

Nơi có số giờ nắng cao nhất là Phan Thiết (Bình Thuận) : 240 giờ (+ 44giờ) .

Ảnh hưởng của thời tiết đến mùa màng

Ở Bắc Bộ và Thanh Hóa, mưa to, gió lớn do ảnh hưởng của bão và ATNĐ đã gây thiệt hại nghiêm trọng đối với sản xuất nông nghiệp; đặc biệt đối với các tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình, Nam Hà, Thái Bình, diện tích lúa và hoa màu bị ngập lụt và mất trắng rất lớn.

II- TÌNH HÌNH THỦY VĂN

1. Ở Bắc Bộ

Trên các sông đã xuất hiện hai đợt lũ lớn. Đợt lũ lớn nhất trong tháng xuất hiện vào đầu hạ tuần, làm tràn vỡ đê bổi ở một số nơi, gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của nhà nước và nhân dân.

- Trên sông Đà, lưu lượng nước đến hồ Hòa Bình lớn nhất: $21500\text{m}^3/\text{s}$ (19h ngày 18). Đây là lưu lượng đỉnh lũ lớn nhất trong 94 năm qua, lưu lượng trung bình tháng: $7920\text{m}^3/\text{s}$, lớn hơn mức TBNN 61%. Mức nước hồ ngày đầu tháng : 90,17m (7h ngày 1), do tham gia cắt lũ cho hạ lưu nên mực nước hồ đã lên mức 108,89m (5h ngày 24), ngày cuối tháng : 108,31m (7h ngày 31). Lưu lượng xả lớn nhất do tại trạm Bến Ngọc là $11600\text{m}^3/\text{s}$ (20h ngày 20).

- Trên sông Thao tại Yên Bái đã xuất hiện hai đợt lũ lớn . Đợt lũ thứ nhất, mực nước đỉnh lũ : 32,02m (13h ngày 16), đợt lũ thứ hai mực nước đỉnh lũ : 31,62m (15h ngày 20). Cả hai đợt lũ trên đã gây ngập lụt một số nơi thuộc thị xã Yên Bái.

- Trên sông Lô tại Tuyên Quang, đã xuất hiện hai đợt lũ lớn. Đợt lũ thứ nhất, mực nước đỉnh lũ : 24,32m (18h ngày 12). Đợt lũ thứ hai, mực nước đỉnh lũ : 27,98m (23h ngày 20) đã gây ngập lụt nhiều nơi thuộc thị xã Tuyên Quang, có nơi ngập sâu 3 - 4m.

- Trên sông Hồng tại Hà Nội, đã xuất hiện lũ lớn. Mực nước đỉnh lũ thực đo tại Hà Nội : 12,43m (21h ngày 21), cao hơn mức báo động số 3 là 0,93m. Nếu không có hồ Hòa Bình tham gia cắt lũ cho hạ lưu thì mực nước đỉnh lũ tại Hà Nội theo tính toán hoàn nguyên lên mức 13,10m,. Mực nước trung bình tháng : 9,90m, cao hơn mức TBNN 1,2m (mực nước đỉnh lũ tháng VIII năm nay trên sông Hồng tại Hà Nội trong điều kiện tự nhiên thấp hơn đỉnh lũ năm 1971 là 1,5m).

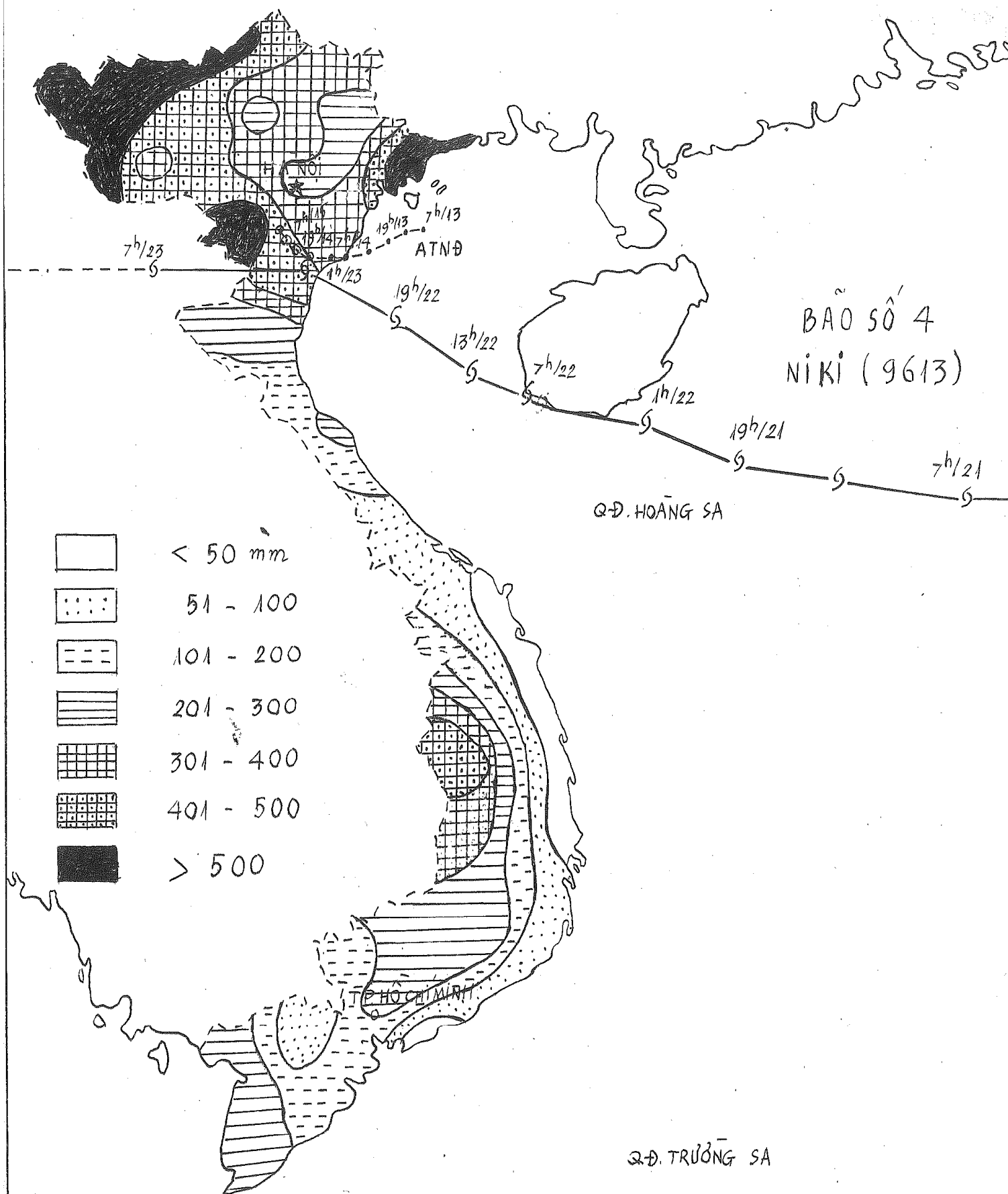
ĐẶC TRUNG MỘT SỐ YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG

Số thứ tự	TÊN TRẠM	NHIỆT ĐỘ (°C)								ĐỘ ẨM (%)		
		Trung bình	Chuẩn sai	Cao nhất			Thấp nhất			Trung bình	Thấp nhất	Ngày
				Trung bình	Tuyệt đối	Ngày	Trung bình	Tuyệt đối	Ngày			
1	Lai Châu	26,5	-0,1	31,6	36,0	5	23,9	22,1	24	88	51	2
2	Điện Biên	24,9	-0,5	29,0	32,9	22	22,7	21,2	22	89	59	26
3	Sơn La	24,5	-0,1	29,0	32,4	3	21,8	20,3	21	85	56	26
4	Sa Pa	19,4	-0,1	23,0	27,5	3	17,4	14,5	21	91	63	2
5	Lao Cai	27,7	0,4	31,9	37,3	2	25,0	23,0	22	86	54	2
6	Yên Bái	27,5	0,0	31,5	36,8	2	24,8	23,1	24	89	58	2
7	Hà Giang	27,2	-0,4	32,1	36,4	22	24,3	22,7	21	87	50	22
8	Tuyên Quang	27,0	-0,6	32,3	36,2	2	25,2	23,2	2	90	52	27
9	Lạng Sơn	26,2	-0,4	30,5	36,3	2	23,4	21,1	27	87	51	2
10	Cao Bằng	26,4	-0,4	31,5	37,1	2	23,6	21,0	27	87	52	22
11	Thái Nguyên	27,9	0,0	32,0	35,6	1	25,3	22,9	30	86	54	21
12	Bắc Giang	28,2	-0,1	31,7	36,0	2	25,4	23,0	22	87	62	26
13	Phú Thọ	27,8	0,0	31,6	35,9	2	25,2	23,0	23	86	59	2
14	Hòa Bình	27,7	0,0	30,7	35,3	6	25,2	22,6	23	89	59	22
15	Hà Nội (Láng)	28,4	+0,2	32,0	36,3	2	25,9	23,2	22	83	56	2
16	Tiên Yên	27,4	+0,1	31,5	37,1	2	24,7	21,7	22	88	56	22
17	Hòn Gai	27,7	0,0	30,6	34,2	2	25,3	22,1	22	87	62	25
18	Phù Liên	27,7	0,0	30,9	35,8	2	25,4	22,6	22	88	68	2
19	Thái Bình	28,1	-0,2	31,0	35,5	2	25,7	22,0	22	89	57	7
20	Nam Định	28,6	0,0	31,9	36,3	2	26,3	22,8	23	85	56	7
21	Thanh Hóa	28,3	+0,1	31,8	37,9	2	25,8	22,3	23	85	56	2
22	Vinh	28,8	+0,1	32,3	37,7	2	26,0	22,9	23	78	53	2
23	Đồng Hới	29,1	0,0	32,7	36,3	10	26,6	23,3	25	72	50	7
24	Huế	28,8	-0,1	35,3	38,4	11	24,7	22,8	13	76	38	11
25	Đà Nẵng	29,0	+0,2	34,3	37,2	11	25,8	23,9	19	77	47	9
26	Quảng Ngãi	28,9	+0,1	34,0	37,8	2	25,3	23,6	18	78	47	14
27	Quy Nhơn	30,3	+0,5	35,0	38,1	11	27,1	25,2	4	71	44	14
28	Plây Cu	22,7	+0,5	27,4	30,3	20	19,8	18,1	19	91	55	28
29	Buôn Ma Thuột	24,3	+0,1	29,9	31,6	14	21,1	20,0	17	88	59	26
30	Đà Lạt	18,6	-0,3	23,4	25,8	17	15,4	12,8	20	91	48	7
31	Nha Trang	27,9	-0,3	32,3	34,6	1	24,7	23,3	24	80	54	24
32	Phan Thiết	27,4	+0,4	31,5	33,8	2	25,3	24,0	13	84	55	1
33	Vũng Tàu	28,2	+0,8	31,1	33,0	20	26,1	24,7	29	80	58	30
34	Tây Ninh	27,0	+0,2	32,2	34,4	16	23,9	22,0	21	86	52	15
35	T.P. Hồ Chí Minh	26,2	-0,9	32,8	34,8	15	25,1	23,0	24	75	55	2
36	Tiền Giang	27,2	+0,4	31,9	33,9	30	26,4	23,2	15	83	50	17
37	Cần Thơ	27,1	+0,4	31,2	33,4	16	25,0	22,6	24	90	69	20
38	Sóc Trăng	26,9	-0,1	31,3	33,2	16	24,2	22,9	25	88	59	17
39	Rạch Giá	27,8	0,0	29,9	32,3	28	25,4	22,2	24	85	64	28
40	Cà Mau	27,4	+0,4	31,8	33,7	16	24,6	22,6	25	86	57	20

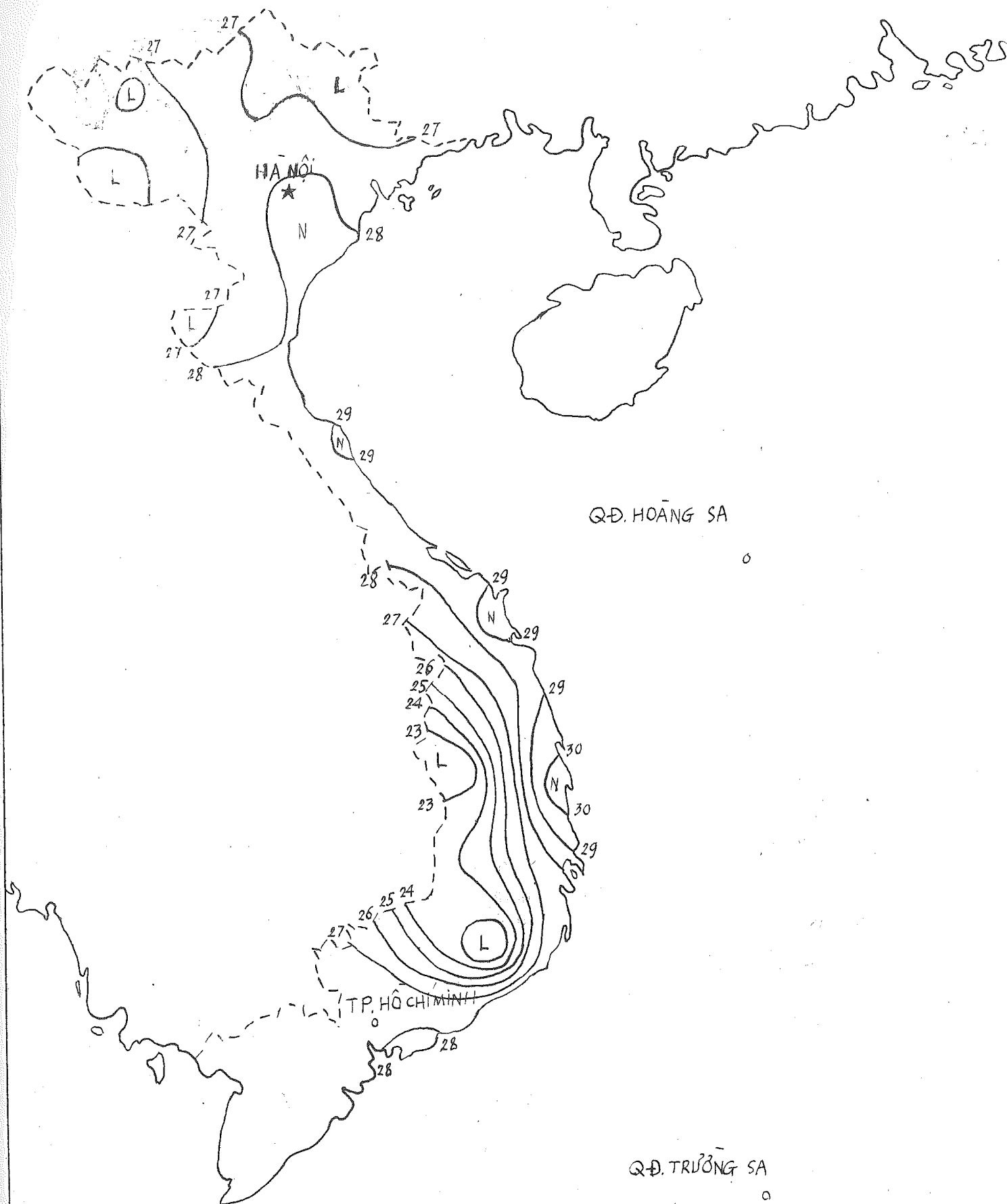
Chú thích: Ghi theo công điện khí hậu hàng tháng

CỦA CÁC TRẠM THÁNG VIII NĂM 1996

LƯỢNG MƯA (mm)							LƯỢNG BỐC HƠI (mm)			GIỜ NẮNG		SỐ NGÀY				Số thứ tự
Tổng số	Chuẩn sai	Cao nhất	Ngày	Số ngày liên tục		Số ngày có mưa	Tổng số	Cao nhất	Ngày	Tổng số	Chuẩn sai	Gió tây khô nóng		Đông	Mưa phùn	
				Có mưa dài nhất	Không mưa dài nhất							Nhẹ	Mạnh			
704	+333	200	18	7	3	19	56	4	26	127	-24	0	0	5	0	1
670	+324	130	16	14	3	21	50	3	6	104	-41	0	0	7	0	2
398	+118	130	16	10	6	18	55	4	26	146	-11	0	0	10	0	3
668	+190	140	16	10	3	23	44	4	2	104	-10	0	0	11	0	4
472	+142	120	19	6	4	18	64	4	2	133	-35	0	0	5	0	5
444	+44	100	16	10	5	18	58	4	2	127	-46	0	0	18	0	6
531	+110	170	19	8	5	21	59	4	27	149	-25	2	0	16	0	7
285	-19	56	16	10	3	17	79	4	26	132	-50	0	0	15	0	8
268	-13	50	11	6	4	21	65	3	2	141	-26	0	0	17	0	9
364	+97	60	29	13	5	21	66	4	22	147	-39	0	0	16	0	10
370	-20	100	11	18	6	17	77	6	23	148	-34	0	0	13	0	11
474	+170	100	16	10	5	20	66	4	28	148	-41	0	0	17	0	12
473	+145	140	23	10	5	16	69	4	26	139	-39	0	0	13	0	13
526	+184	240	15	15	4	22	72	4	2	148	-14	0	0	17	0	14
277	-41	60	13	6	4	18	68	4	2	133	-30	0	0	13	0	15
558	+82	120	23	13	6	20	68	6	21	144	x	0	0	21	0	16
597	+139	110	14	5	5	19	67	4	2	160	-10	0	0	16	0	17
365	+16	80	14	6	6	17	53	3	2	168	+2	0	0	8	0	18
329	-13	80	14	5	6	14	73	7	3	152	-22	0	0	4	0	19
336	+11	90	14	4	4	17	76	5	2	152	-22	0	0	14	0	20
450	+172	240	14	7	9	15	79	6	2	181	+14	0	0	6	0	21
161	-27	50	23	3	4	12	122	8	2	146	-21	2	0	7	0	22
124	-16	40	31	6	5	14	150	10	2	172	-4	3	0	4	0	23
66	-38	40	30	2	5	9	129	7	1	198	-3	13	1	13	0	24
38	-65	20	12	3	9	8	107	5	9	216	+9	10	0	5	0	25
26	-96	10	12	3	11	6	106	5	2	209	-25	4	0	5	0	26
48	-11	40	4	2	14	5	145	10	2	230	-3	10	2	1	0	27
427	-66	160	4	8	4	21	45	2	17	177	+59	0	0	11	0	28
313	+20	52	4	10	1	26	59	4	7	164	+2	0	0	17	0	29
229	+20	40	24	8	4	22	63	4	17	x	x	0	0	7	0	30
70	+19	30	23	2	8	9	115	6	17	237	-3	0	0	4	0	31
80	-95	20	8	6	6	17	102	6	2	240	-44	0	0	12	0	32
40	-138	10	27	3	9	10	95	4	2	225	+27	0	0	5	0	33
199	-26	40	9	6	2	20	64	3	2	201	+8	0	0	17	0	34
209	-61	21	14	5	4	22	83	4	2	178	+6	0	0	14	0	35
125	-37	40	21	5	5	16	80	5	1	201	+3	0	0	7	0	36
100	-117	20	24	5	4	22	86	4	3	184	+5	0	0	9	0	37
123	-143	50	21	11	4	22	88	3	2	176	+18	0	0	7	0	38
236	-94	56	29	14	2	22	87	4	3	172	+10	0	0	17	0	39
253	-96	70	21	5	3	20	60	3	2	150	0	0	0	18	0	40



Hình 1. Bản đồ lượng mưa tháng VIII năm 1996



Hình 2. Bản đồ nhiệt độ trung bình tháng VIII năm 1996

- Trên sông Hoàng Long thuộc tỉnh Ninh Bình đã xuất hiện lũ lớn làm ngập lụt, gây thiệt hại nhiều về mùa màng và tài sản của nhân dân. Mức nước đỉnh lũ đo tại trạm Bến Đé: 4,81m (8h ngày 16), nếu không có sự tràn vỡ thì mực nước còn cao hơn khoảng 0,2-0,3m nữa.

- Trên sông Thái Bình tại Phả Lại, đã xuất hiện hai đợt lũ lớn. Đợt lũ thứ nhất, mực nước đỉnh lũ: 5,45m (3h ngày 15). Đợt lũ thứ hai, mực nước đỉnh lũ: 6,52m, cao hơn mức báo động số III là 1,02m, làm vỡ đê bồi, gây ngập lụt 5 xã thuộc huyện Nam Thanh, Hải Hưng.

2. Ở Trung Bộ

Đã xuất hiện lũ lớn ở sông Bưởi và gây tràn vỡ đê bồi ở Thạch Thành, làm ngập lụt huyện Thạch Thành trong nhiều ngày. Mực nước đỉnh lũ tại trạm Kim Tân: 13,39m (16h ngày 16).

Trên sông Mã tại Giàng, đã xuất hiện hai đợt lũ lớn. Đợt lũ thứ nhất, mực nước đỉnh lũ: 5,81m (19h ngày 16). Đợt lũ thứ hai, mực nước đỉnh lũ: 4,33m (9h ngày 24).

Trên sông Cả tại Nam Đàn, đã xuất hiện hai đợt lũ lớn. Đợt lũ thứ nhất, mực nước đỉnh lũ: 6,27m (21h ngày 17). Đợt lũ thứ hai, mực nước đỉnh lũ: 6,03m (19h ngày 25).

3. Ở Nam Bộ

Mực nước sông Tiền, sông Hậu đang ở xu thế lên và ở mức cao.

Trên sông Tiền tại Tân Châu, mực nước ngày đầu tháng: 2,80m (11h ngày 1), ngày cuối tháng: 3,35m (19h ngày 31).

Trên sông Hậu tại Châu Đốc, mực nước ngày đầu tháng 2,21m (21h ngày 1), ngày cuối tháng: 2,88m (19h ngày 31).

III- TÌNH HÌNH HẢI VẤN

1. Gió và sóng

- Vùng biển phía bắc: Hướng gió chủ yếu là đông nam và nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 5-7m/s (cấp 3- 4). Ngoài khơi gió mạnh nhất 26-28m/s (cấp 10). Hướng sóng chủ yếu là đông nam và nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,75-1,00m (cấp III). Ngoài khơi sóng cao nhất 5-6m (cấp VI-VII).

-Vùng biển phía nam: Hướng gió chủ yếu là tây nam. Ven bờ tốc độ gió trung bình 4-6m/s (cấp 3-4). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa gió mạnh nhất 20-22m/s (cấp 8-9). Hướng sóng chủ yếu là tây nam. Ven bờ độ cao sóng trung bình 0,50-0,75m (cấp II- III). Ngoài khơi Vũng Tàu, Côn Đảo, Trường Sa sóng cao nhất 4-5m (cấp VI).

2. Nhiệt độ nước biển

- Vùng biển phía bắc: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 30-31°C, cao nhất 33-34°C, thấp nhất 26-27°C.

- Vùng biển phía nam: Nhiệt độ nước biển tầng mặt trung bình 29-31°C, cao nhất 32-34°C, thấp nhất 25-27°C.

3. Độ mặn nước biển

- Vùng biển phía bắc: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 18-22‰, cao nhất 24-28‰, thấp nhất 12-16‰.

- Vùng biển phía nam: Độ mặn nước biển tầng mặt trung bình 30-32‰, cao nhất 33-35‰, thấp nhất 27-29‰.

Trung tâm quốc gia dự báo KTTV
và Trung tâm KTTV biển biên soạn